

Số: /GPMT-UBND

Kon Tum, ngày tháng năm

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Theo đề nghị của Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường của dự án: Thủy điện Thượng Đăk Psi - Nhà máy hồ chính tại Báo cáo số 200/BC-TTĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022;*

*Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án: Thủy điện Thượng Đăk Psi - Nhà máy hồ chính (đã chỉnh sửa, bổ sung) gửi kèm theo Văn bản số 0105/022/CV-MPC ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Công ty Cổ phần Thủy điện Minh Phát;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 152/TTr-STNMT ngày 10 tháng 5 năm 2022 (kèm theo hồ sơ).*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Thủy điện Minh Phát (địa chỉ tại số 17 đường Chu Văn An, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Thủy điện Thượng Đăk Psi - Nhà máy hồ chính, với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:**

- 1.1. Tên dự án đầu tư/cơ sở: Thủy điện Thượng Đăk Psi - Nhà máy hồ chính.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Ngọc Yêu, huyện Tu Mơ Rông và xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.
- 1.3. Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của Dự án:

- Quyết định số 696/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Thủy điện Thượng Đăk Psi của Công ty Cổ phần Thủy điện Minh Phát.

- Quyết định số 1192/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Thủy điện Thượng Đăk Psi.

1.4. Mã số thuế: 6101243585

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, kinh doanh điện.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở: Công suất lắp máy 6,6 MW.

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Thủy điện Minh Phát được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Thủy điện Minh Phát có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, chất thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (*kể từ ngày cấp phép*).

**Điều 4.** Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ, thủ tục, kết quả thẩm định và tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin, số liệu, tài liệu gửi kèm theo hồ sơ trình duyệt.

- Tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

**Điều 5.** Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

***Nơi nhận:***

- Chủ dự án (t/h);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh (để biết);
- Sở Tài nguyên và Môi trường (t/h);
- UBND huyện Tu Mơ Rông (t/h);
- UBND huyện Đăk Hà (t/h);
- UBND xã Ngọc Yêu, huyện Tu Mơ Rông (t/h);
- UBND xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà (t/h);
- Cổng Thông tin điện tử của UBND tỉnh (c/bố);
- VP UBND tỉnh: CVP, PCVP-Nguyễn Đăng Trình;
- Lưu: VT, NNTN.<sub>HVT</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Ngọc Sâm**

**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**  
**VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2022*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân nhà máy.
- Nước thải sản xuất từ hoạt động sản xuất của nhà máy.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Đăk Psi phía hạ lưu nhà máy thủy điện hồ chính.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí: Xã Ngọc Yêu, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X (m) = 1639427; Y (m) = 556612 (theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trực  $107^{\circ}30'$ , múi chiều 3).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 31,4 m<sup>3</sup>/ngày đêm (2,62 m<sup>3</sup>/giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Hệ thống ống dẫn nước thải sau xử lý đến vị trí xả vào nguồn nước tiếp nhận.
- Phương thức xả tại vị trí xả nước thải vào nguồn nước:
  - + Đối với nước thải sinh hoạt: tự chảy;
  - + Đối với nước thải sản xuất: Bơm cưỡng bức.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B) đối với nước thải sinh hoạt, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A) đối với nước thải sản xuất, cụ thể như sau:

STT	Thông số phân tích	Đơn vị	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B)	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A)	
1	pH	-	5-9	6-9	03 tháng/lần
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	50	30	
3	COD	mg/l	-	75	
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	50	

STT	Thông số phân tích	Đơn vị	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B)	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A)	
5	Sulfua ( $S^{2-}$ )	mg/l	4,0	0,2	
6	Amoni ( $NH_4^+$ )	mg/l	10	5	
7	$NO_3^-$	mg/l	50	-	
8	$PO_4^{3-}$	mg/l	10	-	
9	Tổng nitơ	mg/l	50	20	
10	Tổng photpho	mg/l	10	4	
11	Fe	mg/l	-	1	
12	Dầu mỡ khoáng	mg/l	-	5	
13	Coliform	MPN/100ml	5.000	3.000	

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

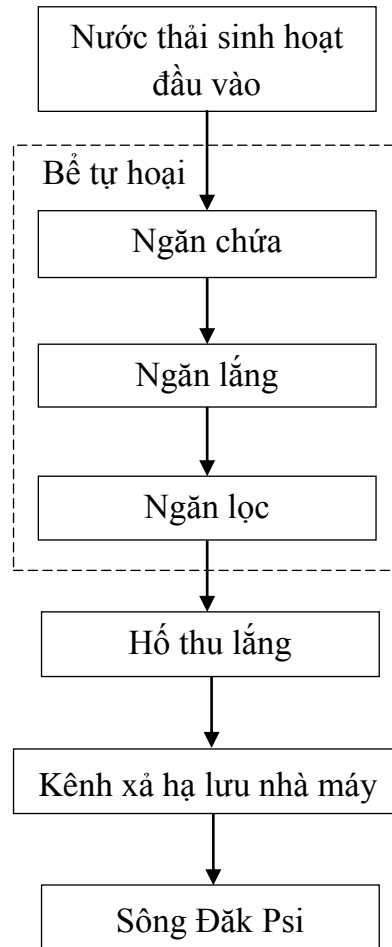
1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Đối với nước thải sinh hoạt: Được thu gom bằng đường ống PVC D90 chiều dài khoảng 2 m từ khu nhà vệ sinh về bể tự hoại đặt ngầm phía bên ngoài nhà máy.

- Đối với nước thải sản xuất: Được thu gom bằng hệ thống đường ống dẫn nước PVC D100 vào 2 bể thu nước sản rồi được bơm đến hệ thống xử lý nước rò rỉ để xử lý nước thải lần đầu tại khu vực nhà máy.

### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**

#### **1.2.1. Nước thải sinh hoạt:**

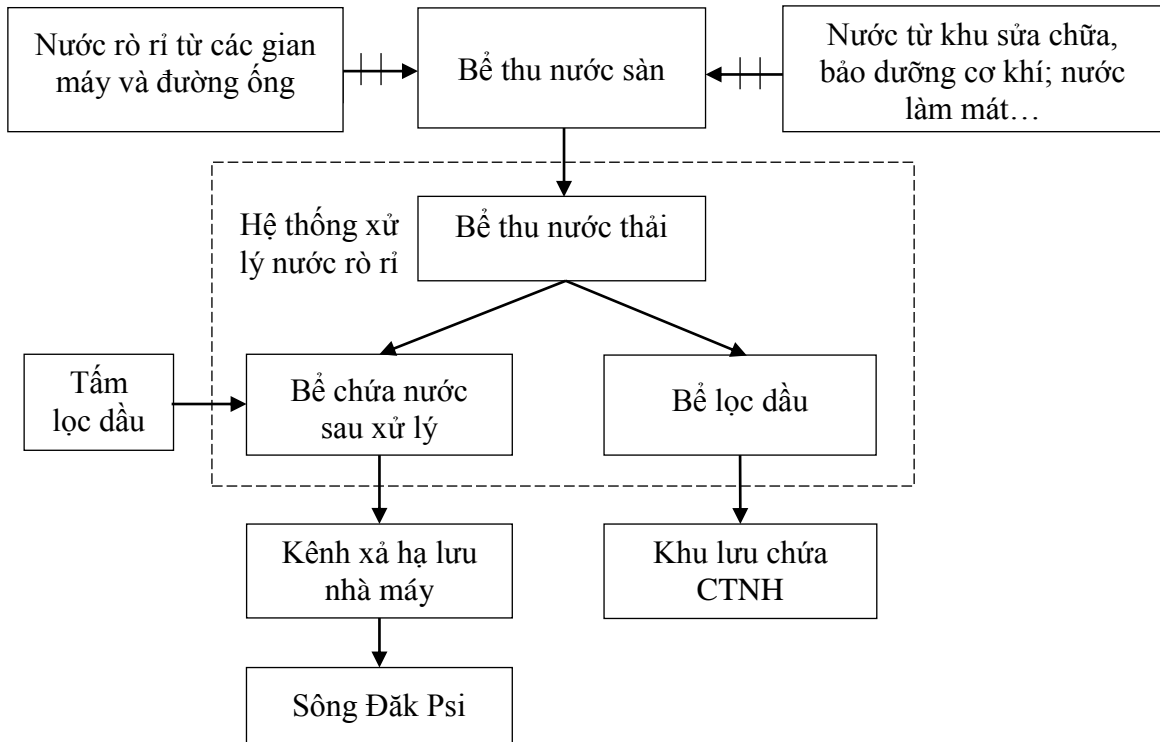


- Tóm tắt quy trình công nghệ: Được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn đặt ngầm bên ngoài nhà máy có dung tích thiết kế là 14,7 m<sup>3</sup>, đảm bảo khả năng xử lý đối với số lượng công nhân tại nhà máy. Sơ đồ và quy trình công nghệ xử lý như sau:

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:
- + Chế phẩm vi sinh: 2,7 kg/ngày;
- + Hóa chất khử trùng: 0,18 kg/ngày.

#### 1.2.2. Nước thải sản xuất:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sản xuất được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý có dung tích thiết kế là 113,85 m<sup>3</sup> theo phương pháp cơ học sau đó bơm ra nguồn tiếp nhận. Sơ đồ và quy trình công nghệ xử lý như sau:



1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát tự động, liên tục đối với nước thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Bảng 1. Sự cố phát sinh và biện pháp giảm thiểu, ứng phó trong quá trình vận hành bể tự hoại

Sự cố	Nguyên nhân	Giải pháp
Sự cố nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu theo quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lượng vi sinh vật trong bể không đủ;</li> <li>- Lượng bùn trong bể quá tải;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Định kỳ bổ sung chế phẩm vi sinh;</li> <li>- Thường xuyên nạo vét bùn cặn nhằm tăng khả năng lắng của nước thải;</li> </ul>
Tắc, vỡ đường ống thoát nước mưa, nước thải	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất lượng đường ống lắp đặt không đảm bảo.</li> <li>- Bùn, đất, dầu mỡ hoặc các chất rắn khác bịt kín các đường ống.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thường xuyên tổ chức nạo vét hệ thống thoát nước, tránh hiện tượng nghẽn gây hiện tượng ngập úng khi có mưa lớn.</li> <li>- Khi xảy ra sự cố:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cử cán bộ tìm kiếm, xác định các vị trí bị tắc, vỡ.</li> <li>+ Thông đường ống tắc nghẽn.</li> <li>+ Thay thế đường ống thoát nước bị hỏng.</li> </ul> </li> </ul>

Bảng 2. Sự cố phát sinh và biện pháp giảm thiểu, ứng phó trong quá trình vận hành bể xử lý nước thải sản xuất

Sự cố	Nguyên nhân	Giải pháp
Sự cố nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu theo quy định	- Bơm hút dầu thải hoạt động không hiệu quả, hỏng;	- Kiểm tra tình trạng hoạt động của bơm; - Bố trí tấm lọc dầu thải trong bể chứa nước sau xử lý nếu như hàm lượng dầu sót lại cao.
Tắc, vỡ đường ống thu gom, thoát nước thải	- Chất lượng đường ống lắp đặt không đảm bảo. - Dầu thải hoặc các chất rắn khác bịt kín các đường ống.	- Lắp đặt đường ống thu gom, thoát nước thải đạt tiêu chuẩn. - Khi xảy ra sự cố: + Cử cán bộ tìm kiếm, xác định các vị trí bị tắc, vỡ. + Thông đường ống tắc nghẽn. + Thay thế đường ống thoát nước bị hỏng.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 15 tháng 5 năm 2022 đến ngày 14 tháng 8 năm 2022.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải sinh hoạt: 01 vị trí: Đầu ra sau xử lý của bể tự hoại (*hố thu lắng*).

- Nước thải sản xuất: 02 vị trí: Đầu vào trước xử lý tại bể thu nước thải; đầu ra sau xử lý tại bể chứa nước sau xử lý.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Nước thải sinh hoạt:

+ Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD<sub>5</sub>, TSS, NH<sub>4</sub><sup>+</sup>, NO<sub>3</sub><sup>-</sup>, PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>, Dầu mỡ, Coliform.

+ Quy chuẩn so sánh: cột B, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

- Nước thải sản xuất:

+ Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, NH<sub>4</sub><sup>+</sup>, NO<sub>3</sub><sup>-</sup>, PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>, Fe, Dầu mỡ khoáng.

+ Quy chuẩn so sánh: cột A, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải: 03 đợt:

+ Đợt 1: Ngày 25 tháng 5 năm 2022



+ Đợt 2: Ngày 10 tháng 6 năm 2022

+ Đợt 3: Ngày 25 tháng 6 năm 2022

- Trong giai đoạn vận hành ổn định:

+ Nước thải sinh hoạt: Lấy mẫu 3 ngày liên tiếp từ ngày 01 tháng 7 năm 2022 đến ngày 03 tháng 7 năm 2022.

+ Nước thải sản xuất trước xử lý: Lấy mẫu ngày 01 tháng 7 năm 2022.

+ Nước thải sản xuất sau xử lý: Lấy mẫu 3 ngày liên tiếp từ ngày 01 tháng 7 năm 2022 đến ngày 03 tháng 7 năm 2022.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thực hiện xây dựng đường ống dẫn nước thải sau xử lý đến vị trí tiếp nhận, đảm bảo không xả nước thải vào hệ thống mương thủy lợi, ruộng đất canh tác của người dân xung quanh khu vực dự án.

3.4. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo:

- Thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

## Phụ lục 2

### **ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN VÀ CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2022  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

#### **A. NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

##### **1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Tiếng ồn từ các phương tiện giao thông ra vào nhà máy: đây là nguồn không liên tục, thông thường thời điểm phát sinh tiếng ồn từ các phương tiện đi lại của các công nhân tại nhà máy.

- Tiếng ồn, độ rung từ các máy móc, thiết bị phục vụ quá trình sản xuất như các động cơ của máy móc, tuabin,... Các nguồn này thường mang tính cục bộ, ảnh hưởng đến lao động vận hành trực tiếp.

2. Tiếng ồn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 27/2016/BYT về Rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

#### **B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

##### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Xây dựng nhà máy thủy điện với kết cấu bê tông cốt thép vững chắc chống chấn động. Các thiết bị gây ồn lớn như turbine, máy phát điện, máy nén khí sẽ bố trí dưới các tầng hầm để giảm thiểu tiếng ồn và rung động.

- Lắp đặt máy móc theo đúng thiết kế, thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng, thay thế các chi tiết mau mòn.

- Lắp đặt các tấm đệm cao su hoặc xốp cho các thiết bị để giảm chấn động do thiết bị gây nên.

- Trang bị các đầy đủ dụng cụ ộp tai chống ồn và bắt buộc công nhân phải sử dụng khi tiếp xúc những nơi có độ ồn lớn.

- Có chế độ giải lao và chế độ chuyển ca hợp lý cho công nhân nhằm giảm tiếp xúc với tiếng ồn.

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp thiết bị, kiểm tra độ ăn mòn chi tiết và thường kỳ cho bôi trơn dầu vào máy móc.

##### 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại phần A phụ lục này.

**Phụ lục 3**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2022  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

<b>TT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Trạng thái tồn tại</b>	<b>Số lượng trung bình (kg/tháng)</b>
1	Dầu thủy lực tổng hợp thải	Lỏng	9,6
2	Các loại dầu truyền nhiệt và cách điện khác	Lỏng	4,43
3	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải (lẫn nước)	Lỏng	5,82
4	Tấm lọc dầu	Rắn	0,84
5	Bóng đèn	Rắn	0,46
6	Pin/ắc quy chì thải	Rắn	0,55
7	Thiết bị điện thải có bộ phận dính dầu (dây quấn MBA, giấy cách điện MBA, lõi thép MBA)	Rắn - lỏng	0,92
8	Cặn sơn, sơn, vecni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn - lỏng	0,67
9	Giẻ lau, vải bảo vệ thải có bị nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	4,31
10	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có linh kiện điện tử	Rắn	0,69
	<b>Tổng</b>		<b>28,29</b>

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 297 kg/tháng.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại: 03 thùng thép 200 lít tại kho chứa chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại:

- Diện tích kho chứa: 11,88 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa chất thải nguy hại: Kiểu kho kín, có mái che, nền cao được lát bê tông và đặt tại nơi có cao trình đảm bảo, xa khu dân cư, khu lán trại để tránh bị ảnh hưởng bởi mưa lũ và đảm bảo an toàn cho cán bộ công nhân viên; bố trí biển cảnh báo cháy tại khu vực lưu chứa.

Thực hiện lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại theo hướng dẫn của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

## **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: 04 thùng nhựa dung tích 30 lít bố trí tại khu vực văn phòng, 02 thùng nhựa dung tích 60 lít bố trí bên ngoài nhà máy.

2.2.2. Bãi chôn lấp rác sinh hoạt:

- Diện tích: 25 m<sup>2</sup>.

- Vị trí: Bên cạnh nhà máy thủy điện.

- Thiết kế, cấu tạo: kích thước LxBxH = 5x5x2,5m.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thực hiện biện pháp đảm bảo vận hành an toàn công trình và an toàn hạ du.

- Thực hiện biện pháp giảm thiểu sạt lở, tái tạo, biến đổi dòng chảy bùn cát và bồi lắng lòng hồ.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố thiên tai.

- Thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động.

#### **Phụ lục 4**

### **CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

#### **A. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

Dự án Thủy điện Thượng Đăk Psi, có tổng công suất lắp máy là 9 MW, gồm 02 công trình: Công trình thủy điện Thượng Đăk Psi - nhà máy hồ chính (Nlm = 6,6 MW) và Công trình thủy điện Thượng Đăk Psi - nhà máy hồ phụ (Nlm = 2,4 MW). Hiện tại, công trình thủy điện Thượng Đăk Psi - nhà máy hồ chính đã hoàn thành xây dựng và chuẩn bị đưa vào vận hành; Công trình thủy điện Thượng Đăk Psi - nhà máy hồ phụ đang triển khai xây dựng, các công trình bảo vệ môi trường tiếp tục thực hiện xây dựng theo quy định tại Quyết định số 541/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum gồm: hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải; bể tự hoại; bể xử lý nước thải sản xuất.

#### **B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

- Biện pháp xói mòn, xói lở, bồi lắng: Theo dõi đánh giá mức độ ảnh hưởng của bùn cát đến hồ để đánh giá hiệu quả vận hành. Tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ lòng, bờ, bãi sông theo quy định tại Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông và thực hiện các giải pháp bảo vệ lòng, bờ, bãi sông được nêu ra trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Bảo đảm duy trì lưu lượng thường xuyên, liên tục sau đập công trình thủy điện Thượng Đăk Psi - Nhà máy thủy điện hồ chính không nhỏ hơn  $0,346\text{m}^3/\text{s}$  và sau tường tràn không nhỏ hơn  $0,034\text{m}^3/\text{s}$ . Khi có yêu cầu cấp nước gia tăng ở hạ du của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, Chủ dự án sẽ vận hành công trình thủy điện Thượng Đăk Psi - Nhà máy thủy điện hồ chính xả về hạ du theo yêu cầu.

- Duy trì hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định tại Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước; thực hiện giám sát các thông số thủy văn phục vụ cho việc vận hành xả lũ; có hệ thống cảnh báo an toàn lòng hồ và vùng hạ du hồ chứa.

- Tuân thủ quy trình vận hành hồ chứa được cấp thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm an toàn cho các hồ, đập, nhu cầu sử dụng nước cho các dự án thủy điện liên kề và bảo vệ môi trường sinh thái phía hạ lưu đập.

- Tuân thủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường; Luật Đa dạng sinh học; Luật Khoáng sản, Luật Tài nguyên nước, Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
  - Công khai giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.
  - Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.
  - Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường theo quy định.
-